

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt nam giảm điểm tương đồng với diễn biến chứng khoán châu Á trước lo ngại về lạm phát và lãi suất tăng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

HĐTL giảm điểm bởi diễn biến tiêu cực của TTCK thế giới

[Thông tin doanh nghiệp]

BSR, PLX

[Quan điểm đầu tư]

Tiếp tục duy trì vị thế trung hạn và có thể từng bước gia tăng vị thế ngắn hạn trở lại, đặc biệt là khi VNIndex về lại hỗ trợ.

24/02/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,162.01	-1.33
VN30	1,167.18	-1.29
HĐTL VN30F1M	1,162.00	-2.06
HNXIndex	237.89	-0.37
HNX30	360.96	-0.60
UPCoM	76.22	-0.33
USD/VND	23,107	+0.35
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.27	-0
Lãi suất qua đêm (%)	0.32	+4
Dầu (WTI, \$)	61.86	+0.31
Vàng (LME, \$)	1,803.91	-0.10

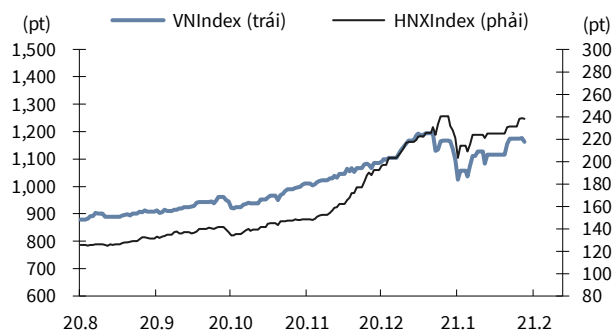


Điểm nhấn thị trường

VNIndex	1,162.01 (-1.33%)
KLGD (triệu CP)	572.6 (+5.1%)
GTGD (triệu US\$)	649.9 (-3.0%)
HNXIndex	237.89 (-0.37%)
KLGD (triệu CP)	148.6 (+6.7%)
GTGD (triệu US\$)	100.6 (+12.7%)
UPCoM	76.22 (-0.33%)
KLGD (triệu CP)	55.1 (+30.0%)
GTGD (triệu US\$)	31.7 (+19.3%)
NĐTNN mua ròng (triệu US\$)	-29.1

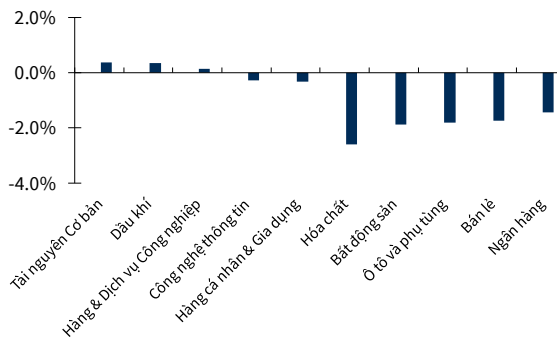
TTCK Việt nam giảm điểm tương đồng với diễn biến chứng khoán châu Á trước lo ngại về lạm phát và lãi suất tăng. Cổ phiếu ngành gỗ giao dịch tích cực hơn thị trường chung SAV (+6.9%), PTB (+3.1%) khi số liệu từ Thống kê hải quan cho thấy giá trị xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ từ đầu năm đến 15/02/2021 tăng mạnh 59% so với cùng kỳ. Cổ phiếu bất động sản giảm giá như HDG (-2.6%), KBC (-2.5%) trước thông tin NHNN yêu cầu theo dõi chặt chẽ tình hình cấp tín dụng đối với lĩnh vực bất động sản nhất là tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát đối với hoạt động cấp tín dụng đầu tư, kinh doanh BĐS. Phó Thủ tướng ký quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 200/QĐ-TTg ngày 14/2/2017 về việc phê duyệt Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025 giúp cổ logictics tăng giá ở TCL (+1.9%), VNL (+1.1%). Khối ngoại bán ròng ở VNM (-1.1%), VHM (-2.4%), SSI (-0.5%).

VNIndex & HNXIndex



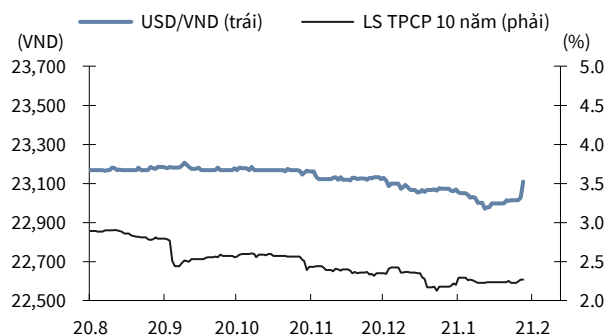
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



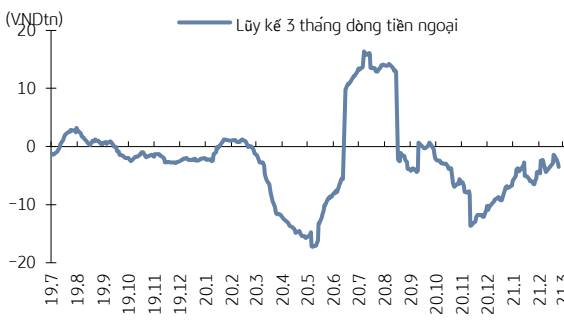
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

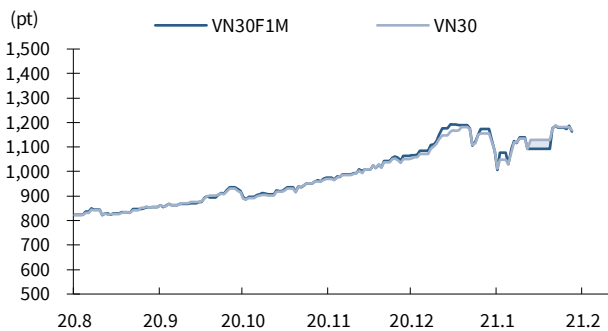
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

VN30	1,167.18 (-1.29%)
VN30F1M	1,162.0 (-2.06%)
Mở cửa	1,191.3
Cao nhất	1,199.8
Thấp nhất	1,148.2

HĐTL giảm điểm bởi diễn biến tiêu cực của TTCK thế giới. Chênh lệch F2103 và VN30 mở cửa ở mức 8.13 và giao động quanh ngưỡng 4.1 và 12.3 trong phiên sáng trước khi thu hẹp mạnh trong phiên chiều, đóng cửa ở mức -5.18. NĐTNN bán ròng mạnh trong phiên hôm nay. Thanh khoản không thay đổi nhiều.

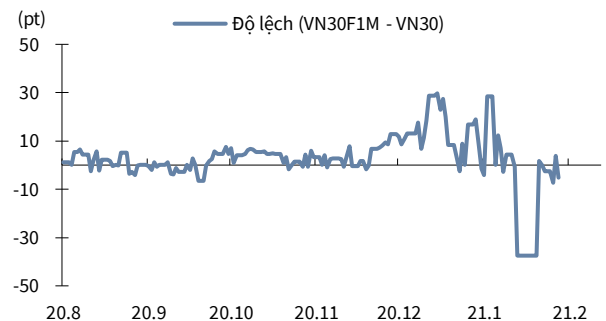
KLGD (HĐ)	208,862 (-2.9%)
------------------	------------------------

HĐTL VN30F1M & VN30



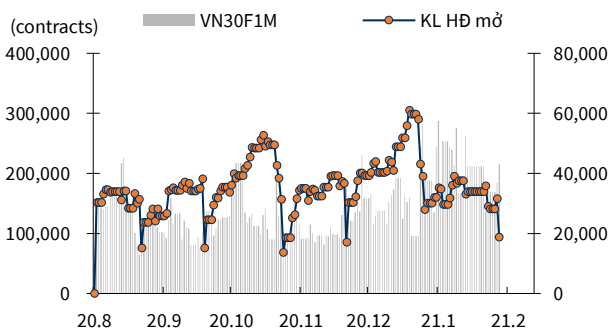
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



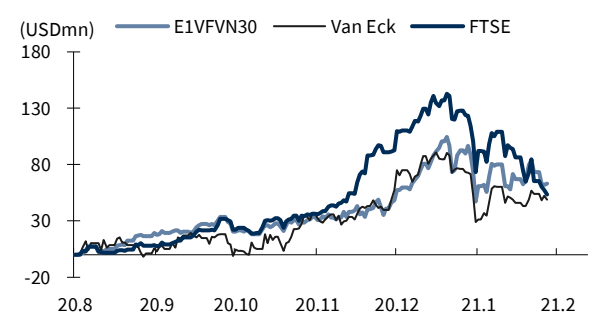
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

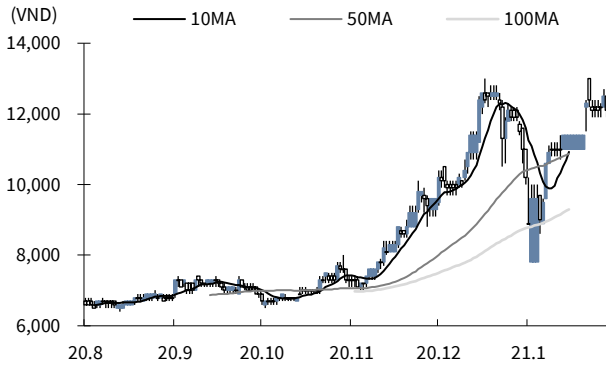
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

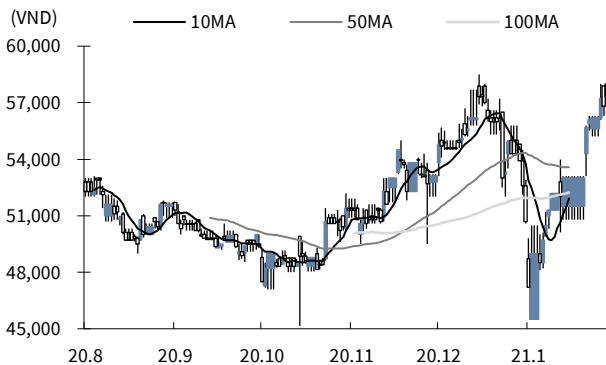
Lọc hóa dầu Bình Sơn (BSR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- BSR giảm -3.2% xuống 12,100 VNĐ/cp.
- BSR cho biết sẽ xuất bán 250 tấn sản phẩm hạt nhựa mới Homo PP Yarn T3045, đây là bước đi thành công tiếp theo của BSR trong công tác phát triển sản phẩm mới.
- Trong tháng 2/2021, Nhà máy lọc dầu Dung Quất đã vận hành ổn định và liên tục ở 108% công suất thiết kế nhằm đáp ứng nhu cầu gia tăng của thị trường trong nước.

Petrolimex



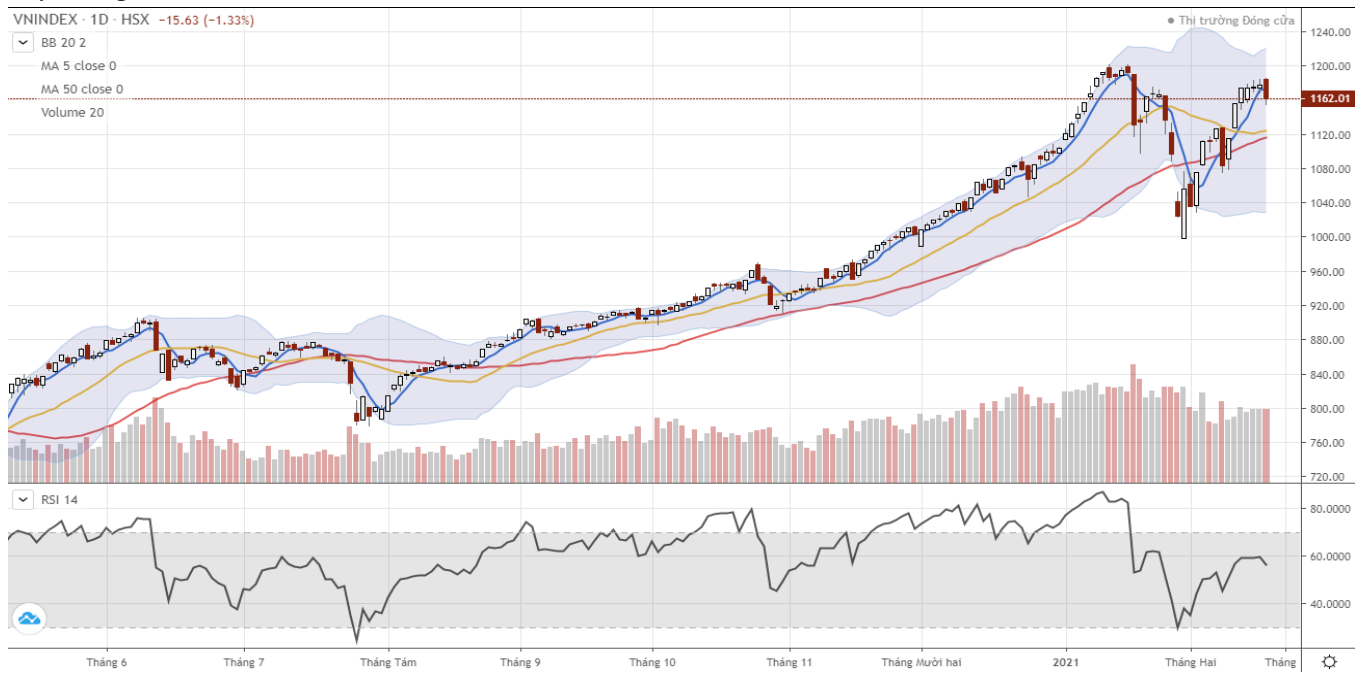
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PLX tăng 0.9% lên 57,300 VNĐ/cp.
- Eneos Corporation thông báo đăng ký mua 25 triệu cổ phiếu quỹ của PLX từ ngày 1/3 đến 30/3 để nâng sở hữu từ 13 triệu lên 38 triệu cổ phiếu, tương ứng tỷ lệ nắm giữ từ 1% lên 2.94%.
- Tổ chức có liên quan đến Eneos Corporation là Công ty TNHH Tư vấn và Holding JX Nippon Oil & Energy Việt Nam cũng đang sở hữu 103.5 triệu cổ phiếu PLX, tương đương 8% vốn. Như vậy, sau giao dịch, cổ đông chiến lược đến từ Nhật Bản sẽ nâng sở hữu PLX lên 10.94%.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

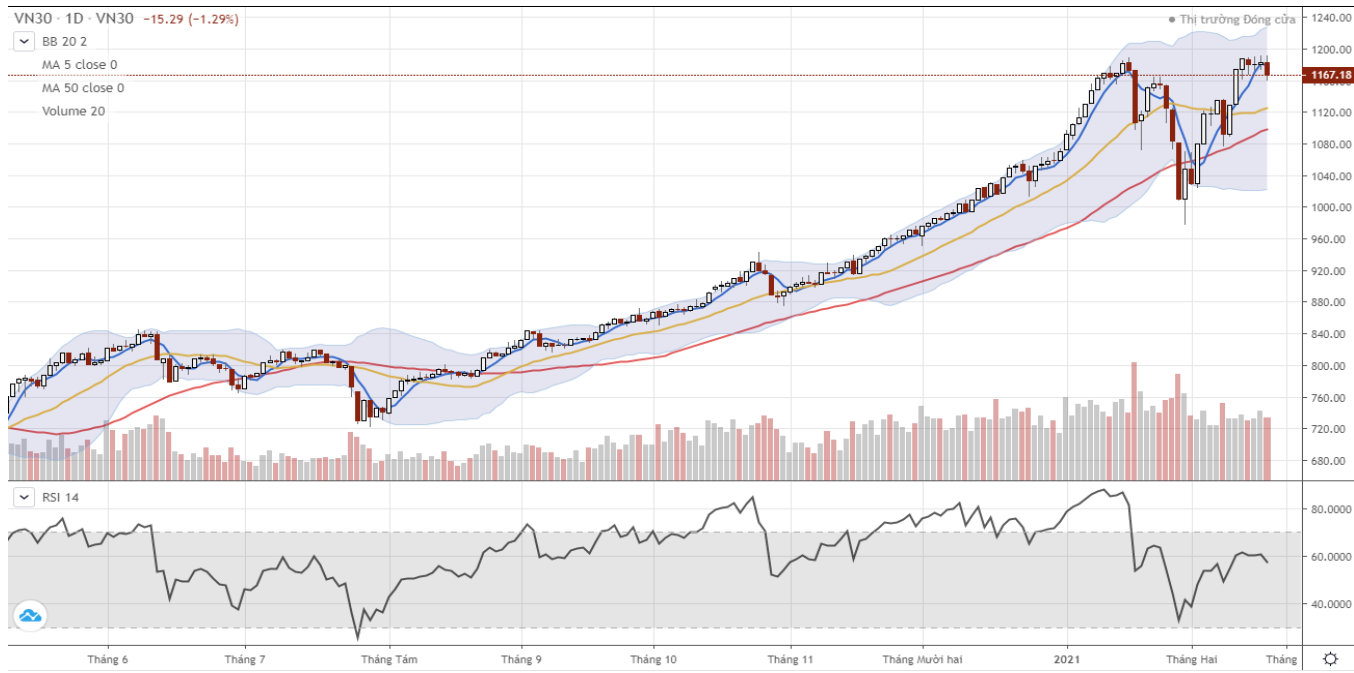
Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



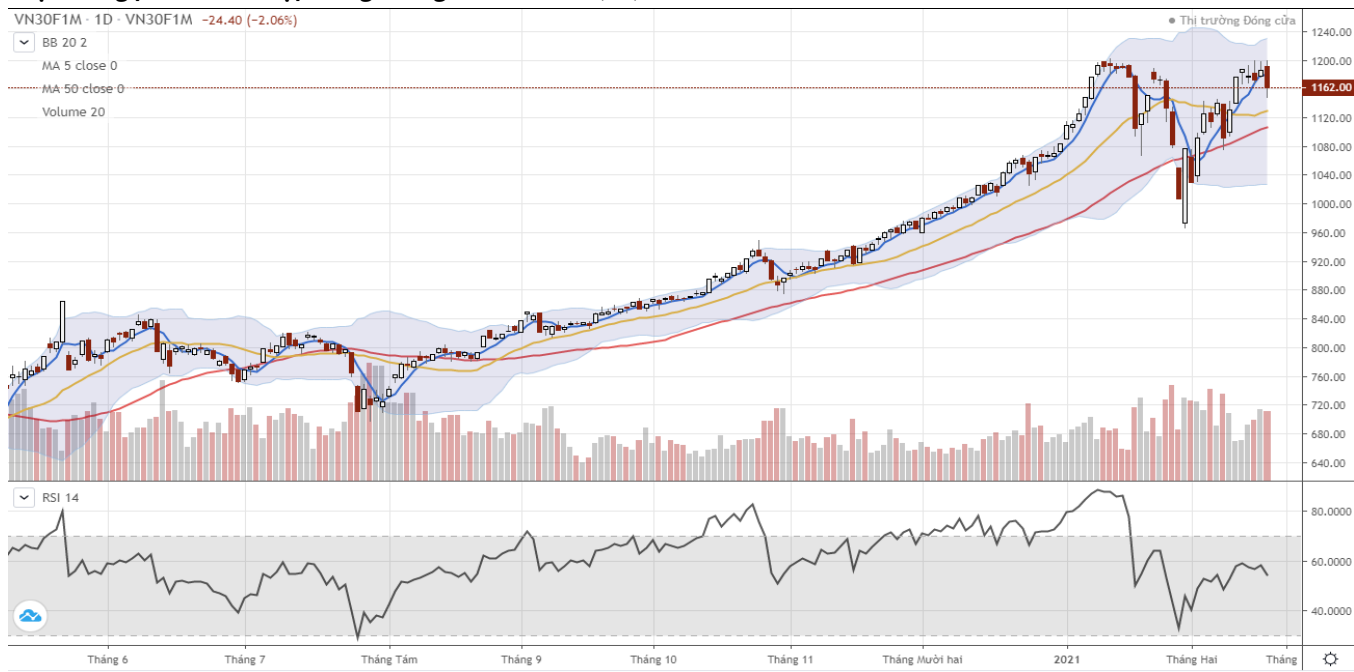
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex hồi phục trong thế giằng co vào đầu phiên trước khi đảo chiều sụt giảm mạnh về cuối phiên.
- Với sự hình thành của mẫu nến bearish engulfing tiêu cực, khả năng mở rộng thêm nhịp điều chỉnh trong phiên kế tiếp đang để ngỏ. Tuy nhiên, xu hướng tăng vẫn đang giữ vai trò chủ đạo với vùng hỗ trợ đáng lưu ý của chỉ số đặt tại 1110-1130.
- NĐT được khuyến nghị tiếp tục duy trì vị thế trung hạn và có thể từng bước gia tăng vị thế ngắn hạn trở lại, đặc biệt là khi VNIndex về lại hỗ trợ.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1177 - 1181

Kháng cự gần: 1164 - 1167

Hỗ trợ gần: 1135 - 1145

Hỗ trợ xa: 1115 - 1125

- F1 hồi phục trong thế giằng co vào đầu phiên trước khi đảo chiều sụt giảm mạnh về cuối phiên.
- Với sự hình thành của mẫu nến bearish engulfing tiêu cực, khả năng mở rộng thêm nhịp điều chỉnh trong phiên kế tiếp đang để ngỏ. Tuy nhiên, xu hướng tăng vẫn đang giữ vai trò chủ đạo với vùng hỗ trợ đáng lưu ý của chỉ số đặt tại 1115-1125.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Ưu tiên mở vị thế LONG tại các nhịp điều chỉnh về quanh hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế LONG đã mở, chờ gia tăng trạng thái nếu về lại vùng hỗ trợ xa.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

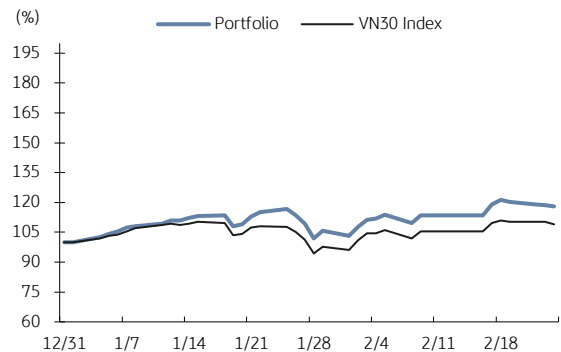
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	-1.29%	-0.61%
Tăng lũy kế (YTD)	9.00%	17.91%

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 24/02/2021	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	133,800	-1.8%	15.4%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Nam Long Invest (NLG)	03/06/2019	35,750	-1.0%	46.2%	- NLG dẫn đầu trong phát triển nhà ở phân khúc trung cấp và vừa túi tiền - Tình tài chính lành mạnh với tỷ lệ nợ vay thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2019	82,800	-0.8%	8.0%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Military Bank (MBB)	18/12/2018	27,000	-1.5%	58.9%	- NFI tăng trưởng mạnh mẽ từ dịch vụ bảo hiểm (thông qua MIC) - Tỷ lệ CASA cao và việc gia tăng cho vay bán lẻ cải thiện NIM - Mcredit vẫn đang được đặt nhiều kỳ vọng với lợi thế huy động vốn
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2018	57,000	1.1%	67.6%	- Mạng cho thuê vẫn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2018	75,400	-0.1%	125.2%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mạng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	37,500	1.2%	53.7%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	88,100	-1.5%	20.0%	- Hướng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2019	43,600	0.7%	123.1%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbaco City Development (KBC)	09/03/2020	39,000	-2.5%	184.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hướng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
FUEVFNVD	-0.5%	99.3%	19.1
HPG	0.7%	30.9%	18.1
MBB	-1.5%	23.1%	15.5
GMD	-1.1%	38.5%	10.0
GAS	-1.5%	2.8%	8.5

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
VNM	-1.1%	57.7%	-126.6
VHM	-2.4%	22.4%	-76.1
SSI	-0.5%	44.0%	-54.8
VRE	-2.0%	31.1%	-52.7
PLX	0.9%	15.3%	-39.9

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
SHS	2.3%	9.1%	0.3
NVB	0.0%	7.9%	-0.1
VCS	-0.5%	3.4%	0.4
VIG	-4.7%	1.3%	0.5
BAX	-0.4%	7.9%	0.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	-3.5%	10.0%	-25.0
IDJ	-1.8%	2.9%	-1.3
BVS	1.4%	12.8%	-1.1
DNP	4.5%	0.4%	-0.7
API	-2.9%	39.8%	-0.7

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Hóa chất	8.6%	GVR, DGC
Truyền thông	3.1%	YEG, PNC
Du lịch và Giải trí	2.8%	HVN, RIC
Dầu khí	2.7%	PLX, PVD
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.5%	LGC, PAN

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-3.0%	BVH, PGI
Công nghệ thông tin	-2.7%	FPT, SAM
Bán lẻ	-2.2%	MWG, CMV
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.4%	PNJ, TLG
Thực phẩm và đồ uống	-0.8%	VNM, MSN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Công nghệ thông tin	17.3%	FPT, SGT
Bán lẻ	10.7%	MWG, DGW
Hàng cá nhân & Gia dụng	8.6%	PNJ, GIL
Dầu khí	7.9%	PLX, PVD
Xây dựng và Vật Liệu	6.1%	VGC, PC1

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	-7.9%	BVH, BMI
Truyền thông	-6.8%	YEG, YEG
Hóa chất	-6.6%	GVR, PHR
Dịch vụ tài chính	-5.7%	FIT, VCI
Thực phẩm và đồ uống	-2.7%	VNM, MSN

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)				
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD	
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	108,200	365,979 (15,838)	154,269 (6.7)	22.5	44.4	31.3	11.1	8.5	11.0	3.5	3.1	-1.6	0.2	3.0	0.0	
	VHM	VINHOMES JSC	102,800	338,162 (14,635)	310,379 (13.5)	26.6	10.9	8.8	37.1	30.6	29.4	3.0	2.3	-2.4	1.8	3.5	14.9	
	VRE	VINCOM RETAIL JS	33,700	76,577 (3,314)	201,835 (8.8)	17.9	25.0	18.5	-7.6	10.2	12.3	2.5	2.3	-2.0	-0.1	-8.7	7.3	
	NVL	NO VA LAND INVES	80,400	85,542 (3,702)	230,802 (10.0)	31.5	19.8	17.8	6.4	12.1	11.5	2.6	2.2	-0.5	-0.7	1.8	23.2	
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	32,900	18,385 (796)	46,483 (2.0)	11.9	14.9	10.0	17.7	15.1	19.4	2.1	1.8	-1.8	-1.8	-3.1	12.3	
	DXG	DAT XANH GROUP	23,850	12,361 (535)	198,844 (8.6)	14.2	10.0	8.9	-	19.0	18.4	1.6	1.4	-3.6	-2.9	19.3	49.5	
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	98,100	363,841 (15,746)	140,964 (6.1)	6.3	17.7	14.3	17.8	20.5	21.3	3.2	2.6	-1.9	-1.9	-4.8	0.2	
	BID	BANK FOR INVESTM	43,050	173,148 (7,493)	74,796 (3.2)	12.7	17.7	11.4	4.9	12.7	16.5	2.0	1.7	-2.2	2.3	-4.9	-10.1	
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	39,100	137,042 (5,931)	642,543 (27.9)	0.0	9.7	8.5	14.4	17.6	17.0	1.6	1.3	-1.8	1.8	7.7	24.1	
	CTG	VIETNAM JS COMM	37,500	139,628 (6,043)	362,943 (15.8)	1.5	10.4	8.3	61.0	15.3	16.0	1.5	1.2	1.2	1.9	-0.3	8.5	
	VPB	VIETNAM PROSPERI	39,700	97,454 (4,217)	249,162 (10.8)	0.0	8.6	7.2	18.8	19.3	19.0	1.5	1.3	-2.0	-3.5	8.8	22.2	
	MBB	MILITARY COMMERC	27,000	75,566 (3,270)	482,292 (20.9)	0.1	7.5	6.3	14.6	19.4	20.6	1.3	1.1	-1.5	4.7	5.5	18.5	
	HDB	HDBANK	25,450	40,561 (1,755)	98,402 (4.3)	4.1	7.6	6.6	23.4	19.0	18.5	1.3	1.1	-1.9	0.2	-2.5	7.2	
	STB	SACOMBANK	18,350	33,097 (1,432)	458,605 (19.9)	14.1	12.6	7.6	32.4	9.1	13.5	1.1	1.0	-2.4	-2.1	-8.0	8.6	
	TPB	TIEN PHONG COMME	27,400	28,267 (1,223)	59,084 (2.6)	0.0	8.5	6.8	37.5	18.4	19.0	1.4	1.2	-2.0	-1.1	-1.1	2.2	
EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,200	22,376 (968)	15,837 (0.7)	0.2	30.0	23.7	27.3	4.4	5.3	1.3	1.2	-0.5	1.1	-	11.2	-5.5	
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	59,700	44,317 (1,918)	49,410 (2.1)	21.1	28.4	24.8	15.2	8.1	8.6	2.1	2.0	-1.3	-3.6	-7.7	-9.5	
	BMI	BAOMINH INSURANC	26,300	2,403 (104)	9,603 (0.4)	14.2	-	-	8.4	-	-	-	-	-2.2	-0.2	-9.2	-14.1	
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	33,450	20,037 (867)	436,575 (19.0)	56.0	17.2	15.2	0.0	11.6	12.0	-	-	-0.4	-0.3	-0.9	1.1	
	VCI	VIET CAPITAL SEC	54,000	8,942 (387)	64,608 (2.8)	72.0	11.6	-	-4.0	17.9	-	-	-	-1.8	-2.7	11.5	-7.2	
	HCM	HO CHI MINH CITY	29,200	8,907 (385)	139,062 (6.0)	52.6	16.8	-	-19.0	12.1	-	-	-	-1.4	-0.7	-5.2	-7.0	
	VND	VNDIRECT SECURIT	27,800	5,797 (251)	121,622 (5.3)	27.4	-	-	36.7	11.2	-	-	-	0.9	-0.7	-0.5	-7.3	
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	105,800	221,117 (9,569)	316,987 (13.8)	42.3	19.4	18.0	4.0	37.5	37.0	6.5	5.6	-1.1	-2.7	-2.7	-2.8	
	SAB	SAIGON BEER ALCO	185,300	118,829 (5,143)	37,834 (1.6)	36.9	22.5	19.5	7.3	25.4	26.3	5.1	4.6	-0.4	2.1	-4.5	-5.0	
	MSN	MASAN GROUP CORP	91,000	106,896 (4,626)	179,622 (7.8)	16.5	41.1	26.7	-51.9	11.4	18.4	3.8	4.0	-1.8	-1.1	-2.5	2.4	
	HNG	HOANG ANH GIA LA	11,450	12,693 (549)	74,624 (3.2)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	-2.6	-3.8	-	19.9	-21.3
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,900	69,094 (2,990)	86,704 (3.8)	11.0	44.7	21.1	-88.3	14.1	18.3	4.2	3.7	-1.6	0.7	-1.4	5.5	
	GMD	GEMADEPT CORP	32,650	9,840 (426)	93,812 (4.1)	10.5	21.8	16.4	-57.3	7.5	9.5	1.6	1.4	-1.1	-0.2	1.7	0.2	
	CII	HO CHI MINH CITY	21,850	5,219 (226)	53,426 (2.3)	38.3	10.8	7.2	78.0	8.9	12.0	0.9	0.9	-0.7	-3.3	-5.8	2.1	
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,470	1,970 (85)	102,020 (4.4)	46.2	-	-	-89.3	-	-	-	-	-2.0	-7.2	-	18.9	37.2
	GEX	VIETNAM ELECTRIC	21,200	10,218 (442)	107,644 (4.7)	37.6	12.2	7.6	-13.8	12.4	17.5	-	-	-1.2	-0.2	-5.1	-5.8	
	CTD	COTECCONS CONSTR	75,000	5,571 (241)	68,572 (3.0)	3.6	10.6	10.7	-43.9	6.4	6.5	0.7	0.7	-1.4	3.7	-6.1	-3.5	
	REE	REE	57,000	17,616 (762)	54,086 (2.3)	0.0	10.3	9.2	-4.5	14.2	13.7	1.4	1.3	1.1	-3.6	5.4	16.4	

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VNDtỷ, USDmn)	GTGD (VNDtriệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiền ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	88,100	168,619 (7,297)	100,612 (4.4)	46.2	17.0	16.1	-18.6	19.8	20.5	3.4	3.3	-1.5	1.4	1.7	1.7
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,700	6,535 (283)	16,723 (0.7)	31.7	15.0	9.1	-10.5	10.5	17.2	-	-	-1.1	-0.7	-4.8	-7.7
	PPC	PHA LAI THERMAL	27,900	8,945 (387)	11,756 (0.5)	34.1	12.1	11.7	-5.3	11.2	12.4	1.5	1.4	0.0	5.7	0.7	14.1
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	43,600	144,459 (6,252)	1,135,831 (49.3)	18.1	9.5	8.3	25.2	23.0	22.3	2.1	1.7	0.7	0.3	-0.1	5.2
	DPM	PETROVIETNAM FER	16,900	6,614 (286)	35,625 (1.5)	36.5	10.0	11.3	0.2	8.9	7.7	0.8	0.8	-2.0	3.4	-	-10.1
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,500	7,147 (309)	40,437 (1.8)	46.6	16.6	15.6	-4.3	7.8	8.2	1.1	1.1	-1.1	5.5	-5.6	-3.6
	HSG	HOA SEN GROUP	25,550	11,352 (491)	251,879 (10.9)	38.8	9.2	8.0	67.9	17.1	16.1	1.5	1.3	-0.6	0.4	-3.6	15.3
	AAA	AN PHÁT BIOPLAST	14,000	3,105 (134)	38,362 (1.7)	97.2	8.5	8.2	21.9	10.8	11.0	0.8	0.8	-1.8	2.6	-3.1	-2.8
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	57,300	69,838 (3,022)	64,871 (2.8)	4.7	21.6	17.5	-49.7	15.9	17.2	3.0	2.9	0.9	2.9	5.5	4.9
	PVD	PETROVIETNAM DRI	22,900	9,644 (417)	266,488 (11.6)	40.1	51.5	25.3	-11.9	1.2	2.7	0.7	0.7	-3.4	1.1	7.5	41.4
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,100	5,534 (240)	113,098 (4.9)	36.1	10.4	9.7	-0.1	10.4	10.3	0.9	0.9	-3.1	-2.3	-	22.1
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	133,800	62,367 (2,699)	221,799 (9.6)	0.0	12.3	9.7	13.7	28.0	28.5	3.1	2.5	-1.8	-3.0	5.2	12.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	82,800	18,826 (815)	61,324 (2.7)	0.0	15.4	12.2	7.0	22.9	24.4	3.1	2.4	-0.8	-4.3	-1.4	2.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,200	1,257 (054)	2,414 (0.1)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.3	3.1	-3.8	-12.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,400	2,243 (097)	43,862 (1.9)	30.3	17.6	13.4	-75.2	9.2	13.4	1.8	1.7	-2.2	1.6	-	-11.3
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,500	8,333 (361)	59,043 (2.6)	34.6	10.1	10.1	41.1	26.4	23.4	2.4	2.5	-0.8	1.0	-6.7	-2.4
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (568)	1,425 (0.1)	45.4	17.2	16.4	10.7	21.2	20.5	3.3	3.1	-1.6	-0.7	-4.1	-3.6
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,000	6,001 (260)	186 (0.0)	11.7	-	-	1.7	-	-	-	-	0.0	0.3	8.8	4.6
IT	FPT	FPT CORP	75,400	59,106 (2,558)	223,700 (9.7)	0.0	15.0	12.3	15.5	25.6	26.8	3.2	2.9	-0.1	-3.2	12.7	27.6

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHOẢNG PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOẢN KB VIỆT NAM

Giám đốc Khối Phân Tích – Nguyễn Xuân Bình

binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Ví mô & Chiến lược Thị trường

Giám đốc Kinh tế Ví mô & Chiến lược thị trường – Trần Đức Anh

anhtd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Ví mô – Thái Thị Việt Trinh

trinhhtt@kbsec.com.vn

Chuyên viên Chiến lược Thị trường – Lê Anh Tùng

tungla@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Doanh nghiệp – Trần Thị Phương Anh

anhhttp@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội)

Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp (Hà Nội) – Dương Đức Hiếu

hieudd@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Công nghệ & Logistics – Nguyễn Anh Tùng

tungna@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Bất động sản – Phạm Hoàng Bảo Nga

ngaphb@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Năng lượng & Vật liệu xây dựng – Nguyễn Ngọc Hiếu

hieunn@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp (Hồ Chí Minh)

Giám đốc Phân tích Khách hàng Quốc tế (Hồ Chí Minh) – Harrison Kim

harrison.kim@kbf.com

Chuyên viên Phân tích Hàng tiêu dùng & Bán lẻ – Đào Phúc Phương Dung

dungdpp@kbsec.com.vn

Chuyên viên Phân tích Dầu Khí & Thủy sản – Nguyễn Thanh Danh

danhnt@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin, dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng những thông tin, dữ liệu này là chính xác hoặc đầy đủ. Các quan điểm được trình bày trong báo cáo có thể được thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên đọc lập xem xét các điều kiện, mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư. Chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất đưa thông tin chung, chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.